

Số: /TB-UBND

Bình Dương, ngày tháng năm 2024

THÔNG BÁO

**Công khai Danh mục thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công
trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần trên
Cổng Dịch vụ công tỉnh Bình Định thuộc thẩm quyền giải quyết
của Ủy ban nhân dân thị trấn Bình Dương**

Căn cứ Quyết định số 3533/QĐ-UBND ngày 23/09/2023 của UBND về Công bố Danh mục 941 thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình của tỉnh Bình Định và Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 16/04/2024 của UBND tỉnh Bình Định về Công bố sửa đổi, bổ sung Danh mục thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thực hiện trên địa bàn tỉnh. UBND thị trấn thông báo cụ thể như sau:

- Công khai danh mục 56 thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình (chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo) và 46 thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần (chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo) thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thị trấn Bình Dương trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Bình Định (tại địa chỉ: <https://dichvucong.binhdingh.gov.vn>).

- Các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thị trấn Bình Dương có thể truy cập vào Cổng Dịch vụ công tỉnh Bình Định để nộp hồ sơ; thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và nhận kết quả đối với các thủ tục hành chính đã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến nêu trên.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc hoặc chưa rõ, đề nghị các tổ chức, cá nhân liên hệ với bà Nguyễn Thị Thúy Nga – công chức Văn phòng – Thống kê (số điện thoại 0974449550) hoặc thông qua Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thị trấn (số 78 Nguyễn Nhạc, Khu phố Dương Liễu Tây) để được giải thích, hướng dẫn chi tiết.

UBND thị trấn Bình Dương kính thông báo để các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (b/c);
- Các ban, ngành, hội, đoàn thể huyện;
- TT Đảng ủy, HĐND thị trấn;
- Chủ tịch, các PCT UBND thị trấn;
- MT và các đoàn thể thị trấn;
- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả;
- Các bộ phận, đơn vị trực thuộc;
- Đài truyền thanh (T/b);
- Trưởng các khu phố;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Đình Sơn

Phụ lục 1
DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN BÌNH DƯƠNG
(Ban hành kèm theo Thông báo số: _____/TB-UBND ngày ____/____/2024 của UBND thị trấn Bình Dương)

STT	TÊN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN	MÃ SỐ
I	LĨNH VỰC NGÀNH NỘI VỤ	
1	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất	2.000337
2	Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	2.000305
3	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	1.000748
4	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	1.000775
5	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	2.000346
6	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	1.001078
7	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.001055
8	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	1.001028
9	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	2.000509
10	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	1.001167
11	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.001156
12	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	1.001109
13	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	1.001098
14	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	1.001085
15	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.001090
II	LĨNH VỰC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
1	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	2.001810

STT	TÊN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN	MÃ SỐ
2	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	1.004441
III	LĨNH VỰC NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
1	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	2.002228
2	Thông báo thành lập tổ hợp tác	2.002226
3	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	2.002227
IV	LĨNH VỰC NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	1.003596
2	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	1.008004
3	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	1.010091
4	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	1.010092
5	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	2.002161
6	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	2.002162
7	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1.003440
8	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1.003446
9	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	1.008838
V	LĨNH VỰC NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	
1	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	1.010736
2	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	1.008603
VI	LĨNH VỰC NGÀNH LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	
1	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	1.001758
2	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực	1.001753

STT	TÊN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN	MÃ SỐ
	thuộc trung ương	
3	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	1.001731
4	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	1.001739
5	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	2.000744
6	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	2.000355
7	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	2.000751
8	Thủ tục Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	1.000132
VII	LĨNH VỰC NGÀNH TƯ PHÁP	
1	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	2.000908
2	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	2.002080
3	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	1.002211
4	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	2.001457
5	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	1.004873
6	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	2.000635
7	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	2.001255
8	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	2.000815
9	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	2.000979
10	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	2.000930
11	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	2.000950
VIII	LĨNH VỰC VĂN HÓA – THỂ THAO	
1	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	1.001120
2	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	2.000794
3	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	1.000954

STT	TÊN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN	MÃ SỐ
4	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	1.003622
5	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	1.008902
6	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	1.008903
	TỔNG CỘNG: 56 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	

Phụ lục 2
DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN BÌNH DƯƠNG
(Ban hành kèm theo Thông báo số: _____/TB-UBND ngày ____/____/2024 của UBND thị trấn Bình Dương)

STT	TÊN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN	MÃ SỐ
I	LĨNH VỰC NGÀNH NỘI VỤ	
16	Thủ tục hành chính thành lập thôn mới, tổ dân phố mới	2.000465
II	LĨNH VỰC NGÀNH TÀI CHÍNH	
1	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	1.005412
III	LĨNH VỰC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
3	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	1.004485
4	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	1.004492
5	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	1.004443
IV	LĨNH VỰC NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	2.001621
2	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	2.002163
V	LĨNH VỰC NGÀNH LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	
1	Thủ tục Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	2.001661
2	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	2.001944
3	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	1.001653
4	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	1.001699
5	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	1.004941
6	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp	2.000286

STT	TÊN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN	MÃ SỐ
	huyện	
7	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	1.004944
8	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	1.004946
9	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	1.010941
10	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2.001947
11	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1.001776
12	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	1.011606
13	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	1.011607
14	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	1.011608
15	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	1.011609
VI	LĨNH VỰC NGÀNH TƯ PHÁP	
1	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.001022
2	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	1.003583
3	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	1.004746
4	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	1.000419
5	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	1.000593
6	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	1.000689
7	Thủ tục đăng ký khai tử	1.000656
8	Thủ tục đăng ký kết hôn	1.000894
9	Thủ tục đăng ký khai sinh	1.001193
10	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1.004772
11	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	1.004845
12	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	1.004859

STT	TÊN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN	MÃ SỐ
13	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	1.004884
14	Đăng ký lại khai tử	1.005461
15	Thủ tục đăng ký giám hộ	1.004837
16	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	2.000986
17	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	2.001023
VII	LĨNH VỰC VĂN HÓA – THỂ THAO	
1	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	1.008901
VIII	LĨNH VỰC NGÀNH XÂY DỰNG	
1	Cấp phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè, lòng đường cho các hoạt động phục vụ thi công xây dựng, sửa chữa công trình	1.009349
2	Gia hạn Giấy phép sử dụng tạm thời vỉa hè, lòng đường (cấp xã)	1.009350
IX	LĨNH VỰC NGÀNH Y TẾ	
1	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	2.001088
2	Cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ đẻ.	1.002192
X	LĨNH VỰC NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI	
1	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2.001214
2	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2.001211
	TỔNG CỘNG: 46 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	